

ここから
はじめよう -1



ごみのん

基本のルール

中野区では ①②③の場所に 資源・ごみを 出します。確認しましょう。

英語	Basic rules
中国語	基本规则
ハンガール	기본 규칙
ベトナム語	Các quy tắc cơ bản
ネパール語	आधारभूत नियमहरू

In Nakano City, recyclables and wastes are put out at the places ①②③. Let's check it.
 在中野区，资源及垃圾排放到①②③的场所。请大家确认。
 나카노구에서는 ①②③의 장소에 자원·쓰레기를 배출합니다. 확인합시다.
 Tại Quận Nakano thì đưa rác·rác tái chế ra khu ①②③. Vui lòng xác nhận
 नाकानो वडामा ①②③ को स्थानमा स्रोत / फोहोर डिस्पोज गर्ने। चेक गरौं।

- ①ごみ集積所 (朝8時まで)**
- ①Waste collection site (by 8:00am)
 - ①垃圾积聚所 (上午 8 时前)
 - ①쓰레기 집적소 (아침 8 시까지)
 - ①Khu tập kết (Đến 8h sáng)
 - ①फोहर सङ्कलन गर्ने स्थान (बिहान 8 बजेसम्म)

...▶「燃やすごみ」、「陶器・ガラス・金属ごみ」、「資源プラスチック」

"Combustible Waste", "Ceramics, Glasses and Metal Waste", "Recyclable Plastics"
 「可燃垃圾」、「陶瓷・玻璃・金属垃圾」、「资源塑料」
 「가연쓰레기」, 「도자기·유리·금속쓰레기」, 「자원 플라스틱」
 「Rác dễ cháy」, 「Rác gốm sứ·thủy tinh·kim loại」, 「Nhựa tái nguyên」
 "जले फोहर", "सेरामिक्सका भाँडा / सिसा / धातु जन्य फोहर", "प्लास्टिकजन्य स्रोत"

- ②びん・缶・ペットボトル集積所 (朝8時まで)**
- ②The collection site of Glass bottles, Cans and PET bottles (by 8:00am)
 - ②瓶・罐・塑料瓶积聚所 (上午 8 时前)
 - ②병·캔·페트병 집적소 (아침 8 시까지)
 - ②Khu tập kết chai thủy tinh·lon·chai nhựa (Đến 8h sáng)
 - ②सिसी / क्यान / पेट-बोटल जम्मा गर्ने स्थान (बिहान 8 बजेसम्म)

...▶「びん」、「缶」、「ペットボトル」

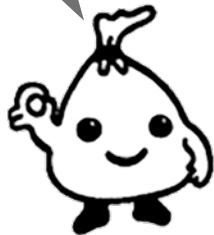
"Glass bottles", "Cans" and "PET bottles"
 「瓶」、「罐」、「塑料瓶」
 「병」, 「캔」, 「페트병」
 「Chai thủy tinh」, 「Lon」, 「Chai nhựa」
 "सिसी", "क्यान (डिब्बा)", "पेट-बोटल"

- ③集団回収集積場所 (朝8時まで)**
- ③The collection site of "Group collection" (by 8:00am)
 - ③团体回收积聚所 (上午 8 时前)
 - ③집단회수 집적장소 (아침 8 시까지)
 - ③Khu tập kết thu gom rác tập thể (Đến 8h sáng)
 - ③सामूहिक सङ्कलन गर्न जम्मा गर्ने स्थान (बिहान 8 बजेसम्म)

...▶「古紙 (新聞、雑誌・雑がみ、段ボール)」、「古着・古布」

"Used paper (news paper, magazines, miscellaneous paper wastes and cardboards)" and "Old clothes and Old fabrics"
 「废纸 (报纸、杂志、杂纸、瓦楞纸)」、「旧衣服・旧布料」
 「폐지 (신문지, 잡지·기타 종이, 골판지)」, 「헌옷·헌천」
 「Giấy báo cũ (Báo, tạp chí·giấy vụn, thùng giấy)」, 「quần áo cũ·Vải cũ」
 पुराना कागजहरू (अखबार, पत्रिका, विविध कागजहरू, कार्डबोर्ड)", "पुराना लुगाहरू / पुराना कपडाहरू"

ここから
はじめよう-2



出す 場所を 確認する 方法は？

How can you find your waste collection site?
 确认排放场所的方法是？ 确认排放场所的方法是？
 배출장소를 확인하는 방법은？
 Cách xác định khu vực tập kết rác？
 डिस्पोज गर्ने स्थान चेक गर्ने विधि？

● 近所に 住んでいる 人に 聞く。

- Ask your neighbors.
- 向邻居打听。
- 이웃에 사는 사람에게 묻는다.
- Hỏi những người hàng xóm
- छरछिमेकममा बसोबास गर्ने मानिसहरूलाई सोध्ने।



● 住んでいる 建物の 大家さん、管理人、管理会社(不動産会社)に 聞く。

- Ask your landlord, property manager or property management company (real estate company).
- 向居住的建筑物的物主，管理员，管理公司（不动产公司）打听。
- 거주하고 있는 건물 주인, 관리인, 관리회사(부동산 회사)에게 묻는다.
- Hỏi chủ tòa nhà, người quản lí tòa nhà, công ty quản lí (Công ty bất động sản) nơi bạn đang sinh sống
- तपाईं बसोबास गर्ने भवनको घरधनी, व्यवस्थापक, व्यवस्थापन कम्पनी (रियल इस्टेट कम्पनी) लाई सोध्ने।



<p>● 中野区の 連絡先は？</p> <p>● How to contact Nakano City? ● 中野区的联络处是？ ● 나카노구의 연락처는？ ● Địa chỉ liên lạc của Quận Nakano？ ● नाकानो वडाको सम्पर्क स्थान？</p>	<p>① ごみ集積所について</p> <p>① About waste collection sites ① 关于垃圾积聚所 ① 쓰레기 집적소에 대해서 ① Về khu tập kết rác ① फोहर सङ्कलन हुने स्थान बारे</p>	<p>② びん・缶・ペットボトル集積所について</p> <p>② About glass bottles, cans and PET bottles ② 关于瓶、罐、塑料瓶积聚所 ② 병·캔·페트병집적소에 대해서 ② Về khu tập kết chai thủy tinh · Lon · Chai nhựa ② सिसी / क्यान (डिब्बा) / पेट-बोटल जम्मा गर्ने स्थान बारे</p>	<p>③ 集団回収集積場所について</p> <p>③ About the collection site of "Group Collection" ③ 关于团体回收积聚场所 ③ 집단회수 집적소에 대해서 ③ Về khu tập kết thu gom rác tập thể ③ सामूहिक सङ्कलन गर्न जम्मा गर्ने स्थान बारे</p>
<p>● 中野区 TEL 03-3387-5353 FAX 03-3387-5389</p> <p>① 清掃事務所へ ① Contact to Waste Management Office ① 请联系清扫事务所 ① 청소 사무소로 ① Văn phòng vệ sinh ① सरसफाइ कार्यालय तर्फ</p>	<p>②③ ごみゼロ推進課へ</p> <p>②③ Contact to Garbage Zero Promotion Section ②③ 请联系零垃圾推进课 ②③ 쓰레기 제로 추진과로 ②③ Ban xúc tiến kế hoạch không có rác ②③ शून्य फोहर प्रवर्द्धन विभाग तर्फ</p>	<p>ごみ分別アプリ (日本語、英語、中国語、ハングル) を使おう</p> <p>Utilize Garbage Separation App (in Japanese, English, Chinese and Korean) 使用垃圾分类 app (日语, 英语, 中文, 韩语) 쓰레기 분리 어플 (일본어, 영어, 중국어, 한글) 을 쓰시다. Hãy sử dụng ứng dụng phân loại rác (tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt) मलको वर्गीकरण एप (जापानी भाषा, अंग्रेजी भाषा, चिनियाँ भाषा, कोरियन भाषा) प्रयोग गर्नु</p> <p>日本語版 外国語版 (English, Chinese and Korean)</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> iPhone </div> <div style="text-align: center;"> Android </div> <div style="text-align: center;"> iPhone </div> <div style="text-align: center;"> Android </div> </div>	

